

Uông Bí, ngày 10 tháng 01 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 4 NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường TH Phương Đông B công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 4 năm 2024 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 4 năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 4 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại		-		
1	Chi sự nghiệp		-		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	11.389.638.710	3.076.910.080	27%	80%
I	Nguồn ngân sách trong nước	11.389.638.710	3.076.910.080	27%	80%
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	11.389.638.710	3.076.910.080		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	10.756.314.700	2.866.320.683		
a	Chi thanh toán cá nhân		2.419.309.033		
	Mục 6000: Tiền lương		1.291.461.600		
	Mục 6051: Tiền công trả cho vị trí LĐ thường xuyên theo HĐ				
	Mục 6100: Phụ cấp lương		711.996.113		
	Mục 6200: Tiền thưởng		24.850.000		
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể		6.400.000		
	Mục 6300: Các khoản đóng góp		366.513.120		
	Mục 6400: Các khoản TT khác cho cá nhân		18.088.200		
b	Chi nghiệp vụ chuyên môn		426.258.650		
	Mục 6500: Dịch vụ công cộng		35.085.986		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 4 năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 4 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Mục 6550: Vật tư văn phòng		61.799.000		
	Mục 6600: Thông tin liên lạc		4.092.064		
	Mục 6650: Hội nghị		8.306.000		
	Mục 6700: Công tác phí		5.832.000		
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn		76.932.000		
	Mục 6900: Sửa chữa TS phục vụ CM		46.348.000		
	Mục 6950: Mua sắm TS phục vụ CM				
	Mục 7000: CP nghiệp vụ CM		187.863.600		
	Mục 7050: Mua sắm TS vô hình				
c	Chi mua sắm sửa chữa lớn		-		
	Mục 9050: M/sắm TS công tác CM		-		
d	Chi khác		20.753.000		
	Mục 7750: Chi khác		20.753.000		
đ	Chỉ lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoản chi và đơn vị sự nghiệp có thu		-		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	633.324.010	210.589.397		
	Chi thanh toán cá nhân	512.431.843	126.681.230		
	- Mục 6000: Tiền lương				
	- Mục 6100: Phụ cấp lương	233.076.843	119.481.230		
	- Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ khác cho HS	16.950.000	7.200.000		
	- Mục 6200: Tiền thưởng	262.405.000			
	- Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	66.320.000	43.336.000		
	Mục 6500: Dịch vụ công cộng	16.000.000			
	Mục 6550: Vật tư văn phòng				
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	16.200.000	16.200.000		
	Mục 7150: Chi về công tác người có công với CM				
	Mục 7000: CP nghiệp vụ CM	34.120.000	27.136.000		
	Chi khác	54.572.167	40.572.167		
	Mục 7750: Chi khác	54.572.167	40.572.167		

Ngày 10 tháng 01 năm 2025

Kế toán



Nguyễn Thị Tú Uyên

Thủ trưởng đơn vị



Lại Thị Thanh Linh